

DAY HỌC ĐOẠN TRÍCH “VĨNH BIỆT CỬ TRÙNG ĐÀI” - KỊCH “VŨ NHƯ TÔ” (NGUYỄN HUY TƯỜNG) THEO ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI

○ THS. NGUYỄN THÀNH LÂM*

1. Day học (DH) tác phẩm kịch trong nhà trường phổ thông hiện nay

Kịch là một trong ba thể loại chính của văn học. Trong chương trình Ngữ văn THCS và THPT hiện hành, văn bản kịch đã được đưa vào nhiều hơn so với trước đây song vẫn chiếm tỉ lệ rất khiêm tốn so với văn bản văn học khác. Chương trình Ngữ văn THCS giới thiệu một số trích đoạn kịch bản văn học tiêu biểu: «*Ông Giuốc - đánh mặc lễ phục*» trích hài kịch «*Trường giả học làm sang*» của Molière (lớp 8); hai đoạn trích của hai vở kịch nói hiện đại: «*Bắc Sơn*» của Nguyễn Huy Tưởng, «*Tôi và chúng ta*» của Lưu Quang Vũ (lớp 9). Hai trong số ba tác phẩm kịch được đưa vào chương trình THPT là của các tác giả Việt Nam. Cụ thể: ở lớp 10, trích «*Tình yêu và thù hận*» - kịch «*Rômêô và Juliet*» của Uyliaam Sếchxpia; lớp 11, đoạn trích «*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*» - kịch «*Vũ Như Tô*» của Nguyễn Huy Tưởng và ở lớp 12, trích «*Hồn Trương Ba, da hàng thịt*» - kịch của Lưu Quang Vũ.

Qua thực tế nhiều năm giảng dạy ở trường phổ thông cũng như tham khảo ý kiến của đồng nghiệp, chúng tôi nhận thấy việc DH thể loại kịch gặp nhiều khó khăn hơn so với các thể loại văn học khác. Nhiều giáo viên (GV) và học sinh (HS) không thích các giờ DH kịch bản văn học. GV cho rằng tác phẩm kịch được đưa vào giảng dạy trong chương trình THCS, THPT đều là những tác phẩm hay, thiết thực đối với HS nhưng họ vẫn không thích bằng giảng dạy các tác phẩm trữ tình, tác phẩm tự sự. Dự những giờ dạy kịch bản văn học, chúng tôi nhận thấy phương pháp DH mới đã được một số GV áp dụng nhưng đôi chỗ còn lúng túng và nặng về khai thác nội dung, xem nhẹ nghệ thuật. GV giảng dạy kịch chủ yếu dựa vào sách GV. Ở một số giờ dạy, việc bám sát đặc trưng thể loại chưa rõ. Đa số GV dạy như sách hướng dẫn, chưa biết lựa chọn những kiến thức cơ bản, bài giảng chưa phù hợp với

đối tượng HS, tham kiến thức mà chưa áp dụng lí thuyết loại thể, dẫn đến hứng thú học văn của HS chưa được phát huy. Một số GV giảng dạy kịch mà quên mất các lời thoại nhân vật, dẫn tới DH thoát li kiến thức về hành động kịch. Hầu như hoạt động liên môn để mở rộng kiến thức, đào sâu hiểu biết của HS với loại hình nghệ thuật tổng hợp này không có.

Chính những biểu hiện nêu trên đã làm cho việc DH kịch bản văn học ở trường THCS, THPT chưa mang lại hiệu quả cao. Rõ ràng muốn giờ DH kịch đạt hiệu quả tốt, cần phải khắc phục những hạn chế nêu trên. Lí thuyết loại thể được trang bị phải được áp dụng vào bài giảng. Với mục đích nhằm nâng cao chất lượng DH nói chung, dạy kịch bản văn học ở THPT nói riêng, chúng tôi đề xuất hướng DH tác phẩm kịch trong trường phổ thông và đoạn trích «*Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*» - kịch «*Vũ Như Tô*» của Nguyễn Huy Tưởng theo đặc trưng thể loại.

2. Một vài lưu ý khi dạy các tác phẩm kịch trong nhà trường

Tác phẩm kịch có những đặc điểm khác biệt so với các tác phẩm thuộc thể loại văn học khác. Kịch là một loại hình nghệ thuật biểu diễn, một thể loại tổng hợp của hai loại tự sự và trữ tình; tuy vậy kịch không bao giờ là thể loại tự sự kết hợp trữ tình đơn thuần, kịch hoà kết giữa văn học và sân khấu, được viết ra chủ yếu không phải để đọc mà để diễn. Kịch phản ánh hiện thực đời sống trong những xung đột, qua xung đột (tức là xung đột của các nhân vật), thông qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật theo một cốt truyện thống nhất.

Mâu thuẫn trong kịch là mâu thuẫn về tư tưởng, quan điểm sống, nhân vật kịch bị lôi cuốn vào các xung đột căng thẳng từ đầu đến cuối chứ không thành thoi như trong tác phẩm tự sự, trữ tình.

Kịch diễn ra trên sân khấu thông qua hành động, hành động là phương tiện chủ yếu của

* Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh

kịch, vì thế phải làm rõ hành động kịch trong dạy kịch bản văn học. Hành động kịch tập trung cao độ, tác giả của vở kịch không thể dùng hành động kịch để chêm xen những tình tiết xa xôi hoặc bổ sung những đoạn tả cảnh hay hồi tưởng chi tiết như tự sự. Nhân vật kịch thường là nhân vật hành động chứ không phải là con người «ném trái» như trong tiểu thuyết, nếu có, kịch cũng không tái hiện quá trình ném trái nhiều mặt của con người. GV chưa cho HS hình dung được từng lúc trên sân khấu các nhân vật tham gia vào diễn biến của hành động kịch thì bài giảng kịch chẳng khác gì bài giảng tiểu thuyết hay truyện ngắn.

Trong kịch, lời tác giả thu hẹp vào lời chú thích, những lời dẫn ít ỏi. Do đó khi giảng kịch không thể bỏ qua các chỉ dẫn này, nếu không tính sinh động của giờ giảng sẽ bị giảm sút.

Trong kịch, ngôn ngữ là phương tiện quan trọng nhất để bộc lộ tính cách nhân vật. Ngôn ngữ kịch trên sân chủ yếu là lời thoại của các nhân vật. Xung đột hay diễn biến của hành động kịch chủ yếu bộc lộ qua lời thoại của các nhân vật (đối thoại hoặc độc thoại). Lời thoại chiếm một vị trí quan trọng trong nghệ thuật xây dựng kịch bản và GV phải hướng dẫn HS tìm hiểu.

Khi tiếp cận và tìm hiểu chiều sâu tác phẩm, GV phải đặt tác phẩm kịch trong mối tương quan với các tác phẩm khác cùng giai đoạn, đồng thời đặt thể loại kịch trong mối liên hệ với thực tế cuộc sống, với trào lưu, trường phái văn học để thấy ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp của những yếu tố này.

3. Dạy kịch «Vũ Như Tô»

1) Khai thác ngôn ngữ, nhịp điệu kịch

Ngôn ngữ kịch có tính tổng hợp cao (kể, miêu tả, bộc lộ...), nhất là trong hồi cuối *Vũ Như Tô*, nhà văn đã đồng thời khắc họa tính cách, miêu tả tâm trạng, dẫn dắt hành động, xung đột kịch khiến người đọc dễ dàng hình dung cả một không gian bạo lực kinh hoàng trong một nhịp điệu chóng mặt: Lê Tương Dục bị Ngô Hạch giết chết, Hoàng hậu nhảy vào lửa tự vẫn (qua lời kể của Lê Trung Mại); Nguyễn Vũ tự tử bằng dao (ngay trên sân khấu), Đan Thiềm sứt bị bọn nội giám thất cổ ngay tại chỗ; Vũ Như Tô ra pháp trường. Rồi tiếng nhיע móc, chửi rửa, la ó, than khóc, máu, nước mắt... tất cả hùng hực như trên một cái chảo dầu sôi khồng lồ.

Nhịp điệu kịch được tạo ra thông qua nhịp điệu của lời nói - hành động (nhất là qua khẩu

khí, nhịp điệu, sắc thái lời nói - hành động của Đan Thiềm - Vũ Như Tô khi đối đáp với nhau và với phe đối nghịch; qua lời nói - hành động của những người khác trong vai trò đưa tin, nhịp điệu «ra», «vào» của các nhân vật đầu và cuối mỗi lớp - các lớp đều ngắn, có những lớp rất ngắn: chỉ dăm ba lượt thoại nhỏ; những tiếng reo, tiếng thét, tiếng động dội từ hậu trường phản ánh cực độ, tình hình nguy cấp, điên đảo trong các lời chú thích nghệ thuật hàm súc của tác giả.

2) Chú ý yếu tố lịch sử

Viết một vở kịch lịch sử, Vũ Như Tô tất nhiên dựa trên các sử liệu: sự kiện, nhân vật lịch sử, bối cảnh lịch sử. Điều quan trọng là khai thác vận dụng các sử liệu ấy như thế nào, sao cho phù hợp với yêu cầu của bi kịch. Cái lời lịch sử được nhà văn khai thác ở đây là câu chuyện Vũ Như Tô xây Cửu trùng đài cho Lê Tương Dục (theo như sách Đại Việt sử ký và Việt sử thông giám cương mục ghi lại). Đài xây dang dở, người thợ tài hoa Vũ Như Tô đã phải chịu cái chết oan khốc. Ở đây, để góp phần làm nên khung cảnh và không khí bi tráng của lịch sử, tác giả đã đặt hành động kịch vào trong «một cung cấm», nhiều nhân vật kịch là những nhân vật lịch sử. Nhiều tên đất tên người gắn với triều Lê... Đúng như lời chú thích sân khấu của tác giả: Sự việc trong vở kịch xảy ra ở Thăng Long trong khoảng thời gian từ năm 1516 đến năm 1517, dưới triều Lê Tương Dục.

Thực tại được phản ánh trong bi kịch theo lối cô đặc các mâu thuẫn bên trong, phơi bày những xung đột sâu sắc của thực tại dưới dạng bão hòa và căng thẳng đến cực độ mang ý nghĩa tượng trưng nghệ thuật. Tác phẩm thường đặt độc giả trước những câu hỏi phức tạp, hóc búa, nhức nhối của cuộc sống. Trong lời Đề tựa viết một năm sau khi viết xong vở kịch, chính Nguyễn Huy Tưởng đã công khai bày tỏ nỗi băn khoăn của mình: «Đài Cửu Trùng không thành, nên mừng hay nên tiếc? Chẳng biết Vũ Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải [...]. Than ôi, Như Tô phải hay những kẻ giết Như Tô phải? Ta chẳng biết. Cầm bút chẳng qua cùng một bệnh với Đan Thiềm». Cho đến khi bi kịch hạ màn, người xem vẫn chưa thấy câu trả lời dứt khoát của tác giả. Nói đúng hơn ông nhường câu trả lời cho người đọc, người xem. Mâu thuẫn và tính không dứt khoát trong cách giải quyết mâu thuẫn này được thể hiện tập trung trong hồi cuối của vở kịch. Cửu Trùng Đài sụp đổ và bị đốt cháy, nhân dân trước

sau vẫn không hiểu gì về việc sáng tạo của nghệ sĩ, không hiểu nổi Đan Thiềm, Vũ Như Tô cũng như «mộng lớn» của hai nhân vật hiện thân cho tài sắc này. Về phía khác, Đan Thiềm không cứu được Vũ Như Tô và Họ Vũ vẫn không thể, không bao giờ hiểu được việc làm của quần chúng và của phe cánh nổi loạn. Mâu thuẫn mà vở bi kịch nêu lên thuộc loại mâu thuẫn không bao giờ và không ai giải quyết cho thật dứt khoát, ổn thỏa được, nhất là trong thời đại Vũ Như Tô. Mâu thuẫn này may ra có thể giải quyết phần nào thỏa đáng khi mà đời sống vật chất của nhân dân thật bình ổn, đời sống tinh thần, nhu cầu về cái đẹp trong xã hội được nâng cao rõ rệt. Mặc dầu vậy, chủ đề và định hướng tư tưởng của vở kịch vẫn được phát triển tương đối sáng tỏ. Một mặt, trên quan điểm nhân dân, vở kịch lên án bạo chúa tham quan, đồng tình với việc dân chúng nổi dậy trừ diệt chúng; nhưng mặt khác, trên tinh thần nhân văn, vở kịch đã ca ngợi những nhân cách nghệ sĩ chân chính và tài hoa như Vũ Như Tô, những tấm lòng yêu nghệ thuật đến mức quên mình như Đan Thiềm. Đây là chủ đề được thể hiện chủ yếu qua mâu thuẫn thứ hai của vở kịch: mâu thuẫn giữa niềm khát khao hiển dật tất cả cho nghệ thuật của người nghệ sĩ đắm chìm trong mơ mộng với lợi ích trực tiếp và thiết thực của đời sống nhân dân. Vũ Như Tô là một tài

năng nhưng chính vì không giải quyết được mâu thuẫn giữa nghệ thuật và cuộc sống nên ông đã thất bại.

Xác định được một quan niệm nghệ thuật đúng đắn: Nghệ thuật không thể đứng cao hơn cuộc sống, người nghệ sĩ phải đứng về phía nhân dân, chống lại cái ác, cái xấu, đồng thời phải sáng tác những tác phẩm có chất lượng, có giá trị lâu dài phục vụ nhân dân.

Mỗi thể loại trong văn học đều có những đặc trưng riêng, do đó cần những nguyên tắc DH riêng, phù hợp với đặc trưng thể loại. Chiếm lĩnh tác phẩm kịch theo đặc trưng loại thể giúp ta hiểu sâu sắc tác phẩm, lí giải thấu đáo cảm hứng và ý đồ nghệ thuật của nhà văn. Vấn đề này cần được GV chú trọng từ khâu định hướng khai thác đến khâu thiết kế bài soạn, thực hành bài giảng. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Chữ. **Phương pháp dạy học tác phẩm văn học theo loại thể**. NXB Giáo dục, H. 2000.
2. Trần Thanh Đạm. **Vấn đề giảng dạy tác phẩm văn học theo loại thể**. NXB Giáo dục, H. 1978.
3. Đỗ Đức Hiếu. “Bi kịch Vũ Như Tô”. Tạp chí *Văn học*, số 10, 1997.
4. Đỗ Đức Hiếu. “Mấy vấn đề về kịch và thi pháp kịch”. Tạp chí *Văn học*, số 2, 1998.

Nâng cao văn hóa học đường...

(Tiếp theo trang 17)

thức xử lí thích đáng, với những bộ phận, những đối tượng có mục đích lợi dụng SV về cả tâm hồn và thể xác. Hạn chế tối đa những tụ điểm ăn chơi (nhà hàng, nhà nghỉ, quán karaoke, quán internet, dịch vụ cầm đồ) xung quanh địa bàn các trường học.

Một môi trường văn hoá học đường được tạo dựng từ sự kết hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội sẽ có sức đề kháng với những mầm bệnh, loại trừ được những biểu hiện văn hoá không lành mạnh nảy sinh từ bên trong, góp phần xây dựng một xã hội ngày càng hoàn thiện, văn minh.

Xây dựng môi trường sư phạm, khung cảnh sư phạm và ứng xử sư phạm tốt nơi giảng đường; phối hợp với các lực lượng giáo dục trong nhà trường tăng cường xây dựng kỉ cương,

nền nếp trong học tập, sinh hoạt của đoàn viên, SV; mỗi trường học phải có hệ giá trị làm chuẩn mực để lấy đó làm mục tiêu phấn đấu, thước đo thành quả của trường; sự phối hợp giữa gia đình - nhà trường và xã hội trong việc giáo dục văn hoá học đường cho SV,... chính là cơ sở, điều kiện để xây dựng một môi trường VHHD ở các trường ĐH, CĐ, góp phần xây dựng thành công sự nghiệp trồng người của Đảng và Nhà nước ta. □

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Huệ. **Ứng xử sư phạm**. NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2004.
2. Trịnh Minh Loan. **Văn hoá học đường - yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục**. Viện nghiên cứu sư phạm. Trường Đại học sư phạm Hà Nội, H.2005.
3. **Hồ Chí Minh toàn tập** (tập 1, 2). NXB Chính trị quốc gia, H.2000.

